

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐPTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RCDM+JS2	7:25	21+1+0	0+0+0		14+3+5	0+0+0	
2		BK6+P3	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
3		BK5+P2	7:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
4		P4+JS2	7:25	10+12	0+0		7+15	0+0	
5		P1+CTK3+BK16	9:25	15+7+0	0+0+0		11+10+1	0+0+0	
6		P2+BK3+TTC1	9:25	20+2+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
7		P6+P4	9:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
8		CLO+JS2	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
9		P1+TGTH5	11:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
10		AMD	11:25	22	0		22	0	
11		P3+P4	11:25	13+4	0+0		16+6	0+0	CHUYEN 1 P3-P4
12		P7+BK8	13:25	15+6	0+0		14+8	0+0	
13		P5+P1+BK5	13:25	21+0+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
14		AMD	13:25	18	0		22	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - RCDM - JS2	CREW: Vậ - MMinh - NPhú - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GROMOV S.A	TD2	02	1	11	52	85	KHOAN	Russian
2	VU MẠNH THĂNG	TD2	10	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	07	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HUU HONG	TD2					86	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH ANH	TD2	500	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	TD2	13	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	98	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN HUY	TD2	03	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	VU XUAN TRUONG	TD2	06	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO BÁ NAM	TD2	97	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD2	99	1	9		87	KHOAN	Vietnamese
13	LUƠNG HUNG TRIẾT	TD2	08	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
14	MAI THẾ HIỂN	TD2	11-12	2	14		92	KHOAN	Vietnamese
15	BUI QUANG TUYNH	TD2	15	1	5		51	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD2	09	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
17	CAO KINH THAO	TD2	04-05	2	20		70	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN HUU ĐỨC	TD2	20-21	2	18		75	T-TIN	Vietnamese
19	VU MẠNH THĂNG	TD2	14	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	01	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
21	ĐO THANH HUNG	TD2	16	1	5		64	D-HANH	Vietnamese
22	VÔ VĂN THANH	RCDM	46	1	6	50	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	22	146	1.515	52	14		
2	RCDM	1	1	6	69	50	3		
3	JS2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	152	1.584	102	22		
WEIGHT KG				152	1.584	102			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: BK6 - P3	CREW: TUYỀN - TTrung - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	BK6	08	1	6	10	65	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU QUYNH AN	BK6	07	1	6	70	103	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HIEU	BK6	06	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHE	BK6	05	1	5		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN MINH GIAU	BK6	04	1	3		63	PSV	Vietnamese
6	DAVUDOV D.S	P3	56	1	6		67	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VAN XUAN	P3	50	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	VU CAO BANG	P3	51	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN DUC HONG*PK-PVD	P3	58-59	2	20		80	KHOAN	Vietnamese
10	NG XUAN LUC*PK-PVD	P3	61	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAN PHUOC	P3	54	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN HOA	P3	62	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG DUNG	P3	55	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGAN	P3	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM XUAN HUY	P3			5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NG DINH CUONG*TD-PVDT	P3	64	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN SON	P3	63	1	5	30	54	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUU	P3	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DO VAN DAM	P3	53	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN MINH HOAI	P3	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN LE TUNG	P3	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SY CONG	P3	49	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	5	23	352	80	5		
2	P3	17	17	105	1.168	30	17		
TOTAL		22	22	128	1.520	110	22		
WEIGHT KG				128	1.520	110			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK5 - P2	CREW: Khang - Linh - VAnh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	BK5	08	1	5	65	75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC NAM	BK5	07	1	2		76	D-HANH	Vietnamese
3	KRAPIVKA	BK5	06	1	2		90	KH-THAC	Russian
4	TARGANOV	BK5					90	ANTOAN	Russian
5	VU VAN CUONG	BK5	03-04	2	6		89	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	02	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	K. LING	BK5	05	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUC QUANG	BK5	01	1	6		97	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P2	88	1	4	28	64	KHI	Vietnamese
10	TRAN NGUYEN TAN TAI	P2	93	1	5		94	KHI	Vietnamese
11	DUONG TRUONG LAM	P2	89	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	DO DUY DONG	P2	90-91	2	12		70	D-HANH	Vietnamese
13	PHAM QUANG TUAN	P2	92	1	7		91	D-HANH	Vietnamese
14	SHEREMENTIEV	P2	24	1	7		84	D-HANH	Russian
15	NG. KHAC QUOC	P2	22-23	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BAGRAMOV A.	P2	94-95	2	17		93	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN SON TRUONG	P2	96	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG DUC HIEU	P2	500	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VIET THANH	P2	98-99	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG MINH DUC	P2	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	TUONG ANH CAC	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN DONG	P2					80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	8	31	647	65	6		
2	P2	14	16	95	1.051	28	16		
TOTAL		22	24	126	1.698	93	22		
WEIGHT KG				126	1.698	93			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	TO: P4 - JS2	CREW: LHải - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

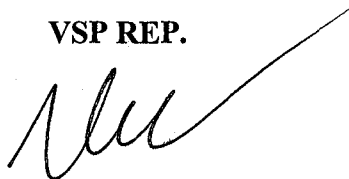
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGACHEV	P4	22	1	5		85	KH-THAC	Russian
2	POPOV	P4	21	1	5		70	KH-THAC	Russian
3	VICTORIANO BIACOLO	P4	29-30	2	4		70	KHI	Filipino
4	VU MANH HA	P4	27	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHONG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY THAI	P4	25-26	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU BAO AN	P4	23	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG VINH	P4	20	1	7	60	74	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG HUU HAU	P4	24	1	10		89	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THAI SON	P4	28	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUANG CUONG	JS2	92	1	5	13	80	KHOAN	Vietnamese
12	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	88,82	2	15		87	KHOAN	Indian
13	PHAN CONG TRUONG	JS2	01	1	5	7	66	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN NAM	JS2	81	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
15	DINH VAN LAM	JS2	72	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	CAO DUC ANH	JS2	79	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG HUY	JS2	78	1	3		60	XLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH AN	JS2	80	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	JS2	02	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
20	VU THE DUNG	JS2	91	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG VAN BON	JS2	03,97	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN TUAN	JS2	06	1	10	5	68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	11	58	741	60	7		
2	JS2	12	14	78	797	25	15		
TOTAL		22	25	136	1.538	85	22		
WEIGHT KG				136	1.538	85			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	TO: P1 - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - NPhú - DTùng	ETA: 11:10
XANH-2			

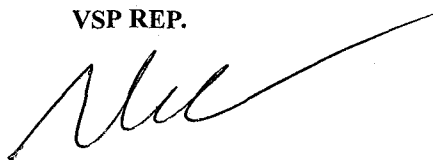
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P1					76	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN TRONG THAI	P1	87	1	4		81	D-HANH	Vietnamese
3	HO NGOC HUNG	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN THINH	P1	89	1	4		74	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	P1	86	1	4		65	NIPI	Vietnamese
6	VU VAN MANH	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
7	VU XUAN QUY	P1	88	1	6		105	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN LANH	P1	85	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN THANG	P1	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN THANG	P1	83	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG THO	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
12	LY BANG	P1	93	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VI KHAC THANH	P1	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU VAN TUAN	P1	91	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	HO HUU CHUNG	P1	84	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
16	TONG TRONG TAM	CTK3	97-98	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TAN NHAN	CTK3	95-96	2	13		82	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN CONG AN	CTK3	06	1	10	40	66	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG TRONG PHUC	CTK3	300	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI CONG THANH	CTK3	99	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
21	MAI DUY TAN	CTK3	03-04	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM MINH VU	CTK3	01-02	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

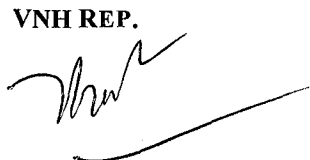
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	15	11	62	1.102	0	11		
2	CTK3	7	11	91	529	40	10		
3	BK16	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		22	22	153	1.631	75	22		
WEIGHT KG				153	1.631	75			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

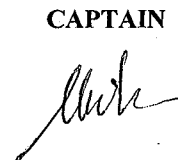
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	TO: P2 - BK3 - TTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - VAnh - Toan	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN PHU HUU	P2	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM QUOC HIEN	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH BA DONG	P2	30	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN HUNG	P2	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU VAN TU	P2	37	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN NAM	P2	38	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC LAM	P2	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN QUYEN	P2	40-41	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU HA	P2	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LE SINH TAM	P2	29	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
12	VU NGOC DUNG	P2	32	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DINH HUAN	P2	31	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG HUNG	P2	33	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	FIRSOV	P2	39	1	10		97	ANTOAN	Russian
16	RAKHMATULIN	P2	27	1	7		83	NIPI	Russian
17	TRUONG DANG PHUONG	P2	43	1	2		87	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH SON	P2	42	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	LE THANH HAI	BK3	04	1	8	40	67	KH-THAC	Vietnamese
20	HA VAN TRUNG	BK3	99	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	18	90	1.306	0	18		
2	BK3	2	2	18	137	40	0		
3	TTC1	0	0	0	0	60	4		
TOTAL		20	20	108	1.443	100	22		
WEIGHT KG				108	1.443	100			

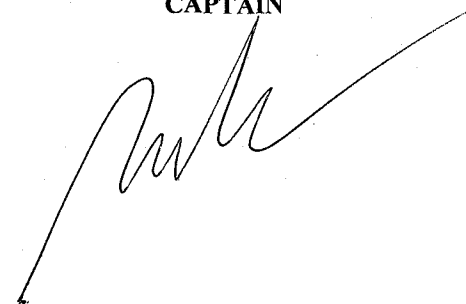
GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: P6 - P4	CREW: TUYỀN - TTrung - Luy	ETA: 11:20
CAM-2			

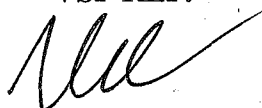
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAO KIM SÂM	P6	07	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VĂN HOÀNG	P4	68	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI MINH TUAN	P4	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THANG	P4	69	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN NGOC TUAN	P4	61	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHAN HAI	P4	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHANH	P4	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM KHAC DOAN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN KHOAI	P4	59	1	3	42	60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	P4	67	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
11	KHUONG VAN THAO	P4	62	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO SY KHOA	P4	54	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
13	HA TAN DUNG	P4	63	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI QUANG SON	P4	53	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
15	DO MANH DUNG	P4	52	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG TRUNG	P4	64	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC NHAN	P4	56	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MANH CUONG	P4	51	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN HONG DUONG	P4	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG PHUC THIEN	P4	57-58	2	10		82	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

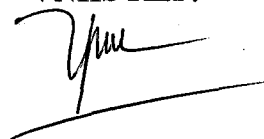
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	7	75	0	0		
2	P4	20	20	105	1.390	62	22		
TOTAL		21	21	112	1.465	62	22		
WEIGHT KG				112	1.465	62			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

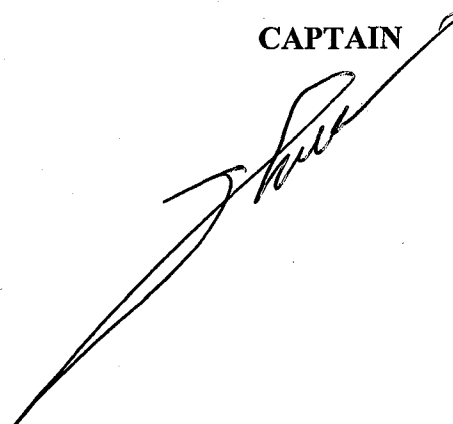
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: CLO - JS2	CREW: LHải - ĐỨC - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	CLO	55-56	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HIỀN	CLO				24	82	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUYÊN	CLO	57	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MINH HOANG	CLO	52	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VIET THUC	JS2	08	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC VIET	JS2	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	HUA QUANG TAM	JS2	46	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
8	DUONG VAN MINH	JS2	45	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN BA KHANH	JS2	10	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM QUANG HUNG	JS2	13	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
11	LE XUAN TUNG	JS2	07	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
12	HA VAN CANH	JS2				24	64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU NGOC CANH	JS2	50-51	2	16	27	71	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG VAN BA	JS2	01-02	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN CAO TRI	JS2	66-67	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VIET HUU	JS2	11	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
17	TRINH ĐAC HUNG	JS2	06	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HAI BANG	JS2	70-71	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN QUOC VAN	JS2	68-69	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
20	KARIMOV	JS2	04-05	2	7		89	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	4	39	285	24	0		
2	JS2	16	21	174	1.120	51	22		
TOTAL		20	25	213	1.405	75	22		
WEIGHT KG				213	1.405	75			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	TO: P1 - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - XHOÀN - VLinH -	ETA: 13:10
VANG-3		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	35	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG TIẾN	P1	28	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ DUY KHANH	P1	33	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHANH DUY	P1	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TỰ	P1	200	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	34	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HUY NGHIỆP	P1	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1					61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	98	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO ĐĂNG PHONG	P1	99	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	27	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	31	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH HIỂU	P1	29-30	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	36	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TAM	P1	94-95	2	10		70	YTE	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HIỆP	P1	96	1	2		77	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	TGTH5	94-95	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG HIỂU	TGTH5	92-93	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN TÙNG	TGTH5	96	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

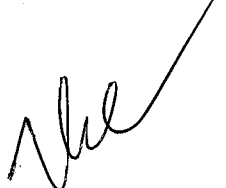
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	18	75	1.171	0	19		
2	TGTH5	3	5	36	210	0	3		
TOTAL		20	23	111	1.381	0	22		
WEIGHT KG				111	1.381	0			

GRAND TOAL: 1.492 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: AMD	CREW: Khang - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	42	1	10		70	PSV	Vietnamese
2	ĐINH CÔNG HOÀNG	AMD	41	1	6		63	PSV	Vietnamese
3	PHAN VĂN HOA	AMD	45	1	6		67	PSV	Vietnamese
4	PHÙNG MINH HAI	AMD	33	1	7		73	HLJOC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	43	1	7		57	TLJOC	Vietnamese
6	K LỘC	AMD	51	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	31	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NHƯ BẢO CHUÔNG	AMD	44	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN THÈ (PVDT)	AMD	32	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯỜNG THÈ KHAI	AMD	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VĂN SAU	AMD	28	1	3	50	67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ THANH TÙNG	AMD	34	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	29	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	55	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DOÀN DUẬN	AMD	35	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO QUANG HUÂN	AMD	49-50	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC THU	AMD	38	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH NGOAN	AMD	30	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	AMD	36	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CUÔNG	AMD	39-40	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH HÙNG	AMD	46-47	2	18		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	25	147	1.518	50	22		
TOTAL		22	25	147	1.518	50	22		
WEIGHT KG				147	1.518	50			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	TO: P3 - P4	CREW: Thanh - CHIẾN - Trường	ETA: 13:20
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THIÊN THANH	P3	82	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P3	89	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ QUANG THẮNG	P3	80	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P3	79	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU VĂN ĐẠT	P3	83	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P3	84-85	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC TÙNG	P3	90-91	2	12		66	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P3	92-93	2	17		87	CODIEN	Vietnamese
11	HÀ KIM LINH	P3	88	1	4		48	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY CẢNH	P3	86	1	5		52	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	P3	87	1	3		57	GETRACO	Vietnamese
14	PHẠM THANH HẢI	P4	36	1	5	8	62	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P4	35	1	8	28	63	CODIEN	Vietnamese
16	KAZIKOV	P4	34	1	5		100	ANTOAN	Russian
17	TRẦN THANH LIÊM	P4	37	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	16	95	887	0	16	4	CHUYỂN 1 PAX TỪ P3 SANG P4
2	P4	4	4	23	291	36	6		
TOTAL		17	20	118	1.178	36	22		
WEIGHT KG				118	1.178	36			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	TO: P7 - BK8	AIRCRAFT: 416	ETD: 13:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LHải - VTHU - thông	ETA: 15:10
xanh-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRUNG KIẾN	P7	26	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P7	80	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7	81	1	5	60	81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	P7	78	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIẾN HIỆP	P7	98	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	99	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LỢI	P7	93	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRỌNG AN	P7	92	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	28	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THIÊN	P7	79	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P7	25	1	8		58	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P7					72	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG LÂN	P7	27	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	29	1	5		74	PSV	Vietnamese
15	MAI VĂN TOÀN	P7	94	1	10		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	87	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	89	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TÂN	BK8	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	BK8	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẠO MINH ĐỨC	BK8	88	1	5	60	70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN NHỤN	BK8	90-91	2	19		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	14	87	1.025	60	14		
2	BK8	6	7	40	412	60	8		
TOTAL		21	21	127	1.437	120	22		
WEIGHT KG				127	1.437	120			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:35
FLIGHT: 13	TO: P5 - P1 - BK5	CREW: Khang - MTuấn - HIẾU	ETA: 15:15
TRANNG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN BẮC	P5					80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG PHÚC	P5	27	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5					78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	20	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC THANH	P5	19	1	3	70	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	13	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	21-22	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG BA VINH	P5	17	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ XUÂN LONG	P5	24	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HỒNG HAI	P5	15	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DUƠNG CÔNG ĐĂNG	P5	25	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	P5	18	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	14	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUÔNG	P5	33	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HỮU LINH	P5	23	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC TÂN	P5	34	1	12		63	T-TIN	Vietnamese
17	VŨ ANH MINH	P5	28-30	3	20		75	T-TIN	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	16	1	4		54	PSV	Vietnamese
19	ĐÀO XUÂN THANH	P5	31	1	2		65	PSV	Vietnamese
20	LÊ QUANG HÀ	P5	26	1	5		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P5	32	1	5		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	21	22	145	1.425	70	13		
2	P1	0	0	0	0	0	5		
3	BK5	0	0	0	0	5	4		
TOTAL		21	22	145	1.425	75	22		
WEIGHT KG				145	1.425	75			

GRAND TOTAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:40
FLIGHT: 14	TO: AMD	CREW: Thanh - CHIẾN - Trường	ETA: 15:20
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI BÁ HÙNG (PVDT)	AMD	500	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	59	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	48	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
4	VU MẠNH HÀ	AMD	57	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH HỮU TÍNH	AMD	51	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TRUNG HIẾU	AMD	52	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG DUONG	AMD	499	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM DUY HÙNG	AMD	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH VĂN HẾT	AMD	46	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC TIẾP	AMD	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH	AMD	47	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	49-50	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	AMD	58	1	5		64	PSV	Vietnamese
14	LÊ VĂN THIÊN	AMD	55	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUÔNG	AMD	99	1	3		56	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	56	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	PHẠM TUẤN THANH	AMD	53	1	6		75	PSV	Vietnamese
18	TRẦN CAO TĂNG	AMD	54	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	19	106	1.206	0	22		
TOTAL		18	19	106	1.206	0	22		
WEIGHT KG				106	1.206	0			

GRAND TOAL: 1.312 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK5	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
2		CLO+RP3	7:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
3		TD5+PPD	7:25	20+0	0+0		13+9	0+0	
4		TD1+RP1 (CA)	9:25	16+0	0+0		19+1	0+0	
5		RP3+RP2+TD5	9:25	14+0+2	0+0+0		14+0+8	0+0+0	CHUYEN 1 RP3- RP2
6		PPD+P4	11:25	8+12	0+0		7+15	0+0	CHUYEN 2 PPD P4

TTBDSX

MLM 11h00

Công An

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ĐI VỀ TRONG NGÀY TD5-ING, PPD-2NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - BK5	CREW: Vận - Linh - Trường - Toàn	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD	38-39	2	13	58	65	TECMACH	Vietnamese
2	VÔ VĂN ĐÔNG	PPD	28	1	5	100	75	TECMACH	Vietnamese
3	TRỊNH PHẠM THANH	PPD	35	1	8		62	TECMACH	Vietnamese
4	DƯƠNG THANH TUÂN	PPD	37	1	8		75	TECMACH	Vietnamese
5	VŨ VĂN THẬP	PPD	26-27	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TAT THANH	PPD	99	1	6		69	KHI	Vietnamese
7	KUSHCHENCO R.M.	PPD					110	KHI	Russian
8	ĐÌNH NGỌC QUY	PPD	22	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	19	1	8		69	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	98	1	5		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	24	1	4		71	KHI	Vietnamese
12	VÔ QUANG ĐẠT	PPD					61	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	96	1	6		56	KHI	Vietnamese
14	LÊ HỒNG PHONG	PPD	95	1	4		80	KHI	Vietnamese
15	HÀ THÈ BAO	PPD					79	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	36	1	4		81	KHI	Vietnamese
17	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	20	1	2		61	KHI	Vietnamese
18	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	97	1	4		71	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	44	1	7		94	KHI	Vietnamese
20	TRẦN HOÀNG CHUÔNG	PPD	23	1	7		61	KHI	Vietnamese
21	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	21	1	5		71	KHI	Vietnamese
22	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	25	1	4		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	21	120	1.577	158	15		
2	BK5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	21	120	1.577	158	22		
WEIGHT KG				120	1.577	158			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

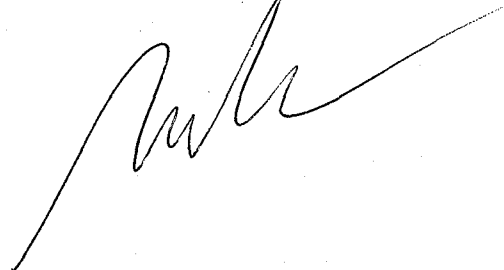
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	TO: CLO - RP3	CREW: Khang - MTuân - Mạnh - Trưởng	ETA: 11:30
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CUÔNG*TT	CLO	72	1	3	40	85	KHOAN	Vietnamese
2	SUKHOMLIN I.N	CLO	59	1	8		118	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN HUNG	CLO	61	1	6	70	68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KHANG	CLO	65	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHÙNG BÀ TUẤT	CLO	64	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	68	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	60	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC AN	CLO	58	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	66	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	67	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	71	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG THANH MINH	CLO	69-70	2	15		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC LAI-PVDT	CLO	62	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
14	VÕ ĐỨC NGHĨA	CLO	74	1	8		62	PSV	Vietnamese
15	LAI VĂN THÀNH	CLO	63	1	6		56	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MẠU SƠN	CLO	73	1	5		71	PSV	Vietnamese
17	VALEEV IREK D.	RP3	71	1	6	30	80	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	76	1	6		71	KHI	Vietnamese
19	PANKRATOV P.E	RP3	75	1	8		91	KHI	Russian
20	NGUYỄN HOANG NAM	RP3	74	1	5		79	KHI	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	72-73	2	15		76	KHI	Vietnamese
22	NGÔ THANH LÂM	RP3	77	1	3		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	17	118	1.161	110	14		
2	RP3	6	7	43	468	30	8		
TOTAL		22	24	161	1.629	140	22		
WEIGHT KG				161	1.629	140			

GRAND TOTAL: 1.930 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	TO: TD5 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	886	1	6	25	91	KHOAN	Russian
2	KOZHURA	TD5	85	1	8		91	KHOAN	Russian
3	VANEEV D.V	TD5	200	1	8		98	KHOAN	Russian
4	NGUYEN DUY TAM	TD5	89	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	LE THANH TUNG*PK-PVD	TD5	92	1	14		84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	TD5	88	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THINH	TD5	95	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEN	TD5	94	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
9	LAM VAN HANH	TD5	91	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC CUONG-PVD	TD5	93	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	97	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
12	MAI TRUONG TRUNG	TD5	90	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN DUY DUC	TD5	96	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HAI	TD5					79	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VAN ANH	TD5					81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH CUONG	TD5	98	1	9		98	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	TD5					82	KH-THAC	Vietnamese
18	VU ANH TUAN	TD5					70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC NINH	TD5	83-84	2	19		70	DVL	Vietnamese
20	TRAN QUOC HUONG	TD5	99	1	12		97	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN HUY HIEU	PPD	01-02	2	15		79	XLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MINH NGOC	PPD	03	1	12	21	86	XLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

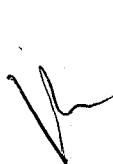
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	20	17	137	1.544	25	13		
2	PPD	2	3	27	165	21	9		
TOTAL		22	20	164	1.709	46	22		
WEIGHT KG				164	1.709	46			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	TO: TD1 - CLI - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - Trường - Toan	ETA: 11:10
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	35	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
2	THAI ĐỨC TOAN	TD1	33	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM QUANG ANH	TD1	49-50	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TIEN	TD1	43	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HUY TOAN	TD1	38	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	40	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC SON	TD1	45	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TIEN QUANG	TD1	39	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	51-52	2	10	30	60	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN QUAN-PVDT	TD1	57	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD1	37	1	4		58	D-HANH	Vietnamese
12	VU HAI THANG	TD1	48	1	15		72	DVL	Vietnamese
13	VU HOANG TAN	TD1	41-42	2	15		92	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD1	44	1	15	10	70	DVL	Vietnamese
15	PHAN THANH TAI	TD1	46-47	2	12		52	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	TD1	36	1	6	8	72	YTE	Vietnamese
17	TRINH HUU NGHIA	TD1	34	1	5		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	21	144	1.155	48	19		
2	CLI	0	0	0	0	0	1		
3	RP1	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		17	21	144	1.155	78	22		
WEIGHT KG				144	1.155	78			

GRAND TOAL: 1.377 KGS

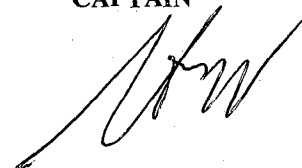
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:45
FLIGHT: 05	TO: RP3 - RP2 - TD5	CREW: Khang - MTuấn - Mạnh - Trưởng	ETA: 16:00
vang-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀNG ANH	RP3	17	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	TRINH XUÂN HUYỀN	RP3	11	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	12	1	5		77	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NAM	RP3	14-15	2	10		60	KHI	Vietnamese
5	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	13	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3					68	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÙNG	RP3	09	1	7		74	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ SƠN ĐỨC	RP3	06-07	2	15		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG DŨNG	RP3	08	1	9		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CẢNH CHUNG	RP3	10	1	7		60	KHI	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN TUẤN	RP3	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	16	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	BUI VĂN PHÚ	RP3	03	1	5		72	KHI	Vietnamese
14	PHẠM DINH SINH	TD5	71	1	10		70	DVL	Vietnamese
15	PHẠM TUNG VY	TD5	72	1	10		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	14	82	914	0	14	1	CHUYỂN 1 PAX RP3 SANG RP2
2	RP2	0	0	0	0	0	0		
3	TD5	2	2	20	135	0	8		
TOTAL		15	16	102	1.049	0	22		
WEIGHT KG				102	1.049	0			

GRAND TOTAL: 1.151 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	TO: PPD - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 13:10
XANH-2			

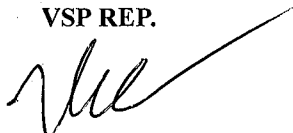
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	45	1	3		54	KHI	Vietnamese
2	ĐAO ANH TUAN	PPD	74	1	4		65	KHI	Vietnamese
3	LÊ HUY VINH	PPD	72	1	7		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	73	1	5		65	KHI	Vietnamese
5	ĐO THẾ QUANG	PPD	70-71	2	11		67	KHI	Vietnamese
6	BUI VAN TUAN	PPD	75	1	7	110	70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN QUYẾT TIEN	PPD	76	1	10		66	KHI	Vietnamese
8	VUONG MAI	PPD	99,800	2	13		59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGO DINH NHAT MINH	PPD	97-98	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	P4	45	1	7		69	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC HẠNH	P4					68	KHI	Vietnamese
12	ĐO ĐỨC LONG	P4	41	1	4		55	KHI	Vietnamese
13	HOANG TRỌNG TÂN	P4	42	1	8		75	KHI	Vietnamese
14	GURURAJ SAGAR	P4	74	1	10	33	80	KHI	Indian
15	NGO VAN HA	P4	49	1	2	34	74	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THAI	P4	48	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG KIEM	P4	47	1	5		80	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN THANH GIAP	P4	43	1	4		69	KHI	Vietnamese
19	BUI THANH AN	P4	44	1	7		66	KHI	Vietnamese
20	PHẠM HỮU THỌ	P4	40	1	7		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HỒNG PHÚC	P4	46	1	3		69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

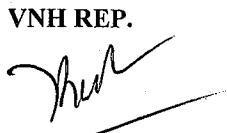
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	12	80	586	110	7+2		CHUYEN 2 PAX PPD SANG P4
2	P4	12	11	62	835	67	15		
TOTAL		21	23	142	1.421	177	22		
WEIGHT KG				142	1.421	177			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

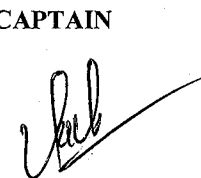
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
FLIGHT: CAP CUU	TO: MRM	CREW: Toàn - MMinh - Nghĩa	ETA: 14:30

ROUTE: VT - MRM - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - MRM								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	1	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK : thao ghe cho cang			PAX.WEIGHT		0
			BAG.WEIGHT		0
			CARGO WEIGHT		0
			TOTAL		0
VSP REP.		VNH REP.		CAPTAIN	

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD2+RP3	7:25	4+13+0	0+0+0		1+15+4	0+0+0	chuyen 3 CTK3
2		TD3+RC5+RP1	9:25	21+0+0	0+0+0		13+2+2	0+0+0	TD2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2019	TO: CTK3 - TD2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - NPhú -	ETA: 09:20
XANH-1		HIẾU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH CƯỜNG	CTK3	11-12	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ TRUNG KIẾN	CTK3	07-08	2	20	30	75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CTK3	13-14	2	16	60	62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	CTK3	09-10	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HÙNG HÙNG	TD2	23,30	2	5		89	KHOAN	Vietnamese
7	HÀ VĂN LINH	TD2	28	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC THANH	TD2	25	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THẬP TOÀN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TÀI	TD2	98	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	22	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐUÂN	TD2	96	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN THANH-PVDT	TD2	97	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	99	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD2	29	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THẾ TÂM	TD2	26-27	2	13		78	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HAI SƠN	TD2	100	1	4		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	8	69	272	90	1	3	CHUYEN 3 PAX TU CTK3 SANG TD2
2	TD2	13	14	74	899	0	15		
3	RP3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		17	22	143	1.171	90	20		
WEIGHT KG				143	1.171	90			

GRAND TOAL: 1.404 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2019	TO: TD3 - RC5 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - NPhú - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV I.IU	TD3	53	1	4		86	KHOAN	Russian
2	TOIB R.R	TD3	66	1	6		100	KHOAN	Russian
3	DENIS RUBAYLO	TD3	68	1	10		98	KHOAN	Russian
4	FOK S.I	TD3	70	1	7		130	KHOAN	Russian
5	ZHARKOV A.V	TD3	63	1	10		125	KHOAN	Russian
6	IOV R.IU	TD3	69	1	6		63	KHOAN	Russian
7	LE TIEN DUNG	TD3	64	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	LAI THE DAT	TD3	65	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
9	DO THANH HAI	TD3	56	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VAN THANG	TD3	55	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	LUU VAN SON	TD3	59	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN HAI NAM	TD3					57	KHOAN	Vietnamese
13	LE MANH THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH XUAN	TD3	54	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN THUONG	TD3	57	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	BUI HUU VUNG	TD3	67	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN QUANG BAC	TD3	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN LAM GIANG	TD3	62	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
19	VO VAN DUNG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
20	LE MANH HUNG	TD3	60	1	12		73	ANTOAN	Vietnamese
21	LUONG XUAN DUOC	TD3	58	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

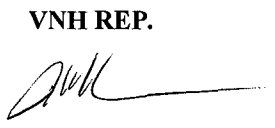
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	18	117	1.698	0	18		
2	RC5	0	0	0	0	90	2		
3	RP1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	18	117	1.698	90	22		
WEIGHT KG				117	1.698	90			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

